

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2020/HS-ST
Ngày: 23-9-2020

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Thanh;
2. Bà Hà Mộng Dung.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phát Huy, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thành phố K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 78/2020/TLST-HS ngày 31 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2020/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Thanh T, sinh năm 1998, tại K, tỉnh An Giang; nơi cư trú: tổ 11, khóm X, phường PA, thành phố K, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh M, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1976; chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/6/2020 cho đến nay, có mặt.

Bị hại:

Dương Thị Na, sinh năm 1982; nơi cư trú: số 353, đường ABC, khóm T 2, phường PB, thành phố K, tỉnh An Giang, vắng mặt.

Nguyễn Thị S, sinh năm 1956; nơi cư trú: số 177 XYZ, khóm X, phường PB, thành phố K, tỉnh An Giang, vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Nguyễn Thanh M, sinh năm 1972; nơi cư trú: tổ 11, khóm X, phường PA, thành phố K, tỉnh An Giang, có mặt.

Người làm chứng:

- Bà Lê Thị H, sinh năm 1985, vắng mặt;
- Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1972, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên T đã thực hiện hành vi phạm tội như sau, cụ thể:

- Khoảng 07 giờ ngày 25/02/2020, T điều khiển xe mô tô đến tiệm tạp hóa “G” của Dương Thị Na giả vờ hỏi mua 03 thùng bia, nhãn hiệu TIGER khi Na mang 03 thùng bia để lên xe, T kêu Na ghi hóa đơn, lợi dụng Na quay mặt vào bên trong, T tăng ga xe, tẩu thoát, đem bán 03 thùng bia với số tiền 960.000 đồng.

- Khoảng 07 giờ ngày 26/02/2020, T điều khiển xe mô tô, biển số 67E1 – 200.70, chở NH (không rõ họ, địa chỉ) đến tiệm tạp hóa “Kg” tại số 177, đường XYZ, khóm X, phường PB, thành phố K gặp bà Nguyễn Thị S, quản lý tiệm tạp hóa, T giả vờ hỏi mua 02 thùng bia, nhãn hiệu TIGER, S mang bia để lên xe, T hỏi mua thêm 01 thùng sữa, S quay vào, T tăng ga tẩu thoát bán 02 thùng bia chiếm đoạt 600.000 đồng.

Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô, nhãn hiệu VISION, màu sơn đen, biển số 67E1 – 200.70; 01 mũ bảo hiểm màu xanh; 01 mắt kính, tròng đen; 01 quần thun đen dài; 01 áo khoác đen, tay dài có mũ trùm đầu; 01 đĩa DVD lưu giữ đoạn Video clip trích xuất từ Camera quan sát, ghi hình ảnh T thực hiện hành vi phạm tội.

Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 85/KL-ĐG và 87/KL-ĐG cùng ngày 13/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố K xác định: Tổng giá trị tài sản T chiếm đoạt là 1.600.000 đồng.

Cáo trạng số 82/CT-VKSCĐ ngày 31/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố bị cáo Nguyễn Thanh T về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố. Bị cáo không có ý kiến tranh luận và trong lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Trong phát biểu luận tội, Kiểm sát viên trình bày: Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có cơ sở xác định hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản” được quy định tại khoản 1

Điều 171 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu, sức khỏe của người khác mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Cho nên, cần xử phạt nghiêm, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để đảm bảo mục đích răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải; Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; bị cáo thuộc thành phần lao động, không có tiền án, tiền sự, trình độ học vấn thấp nên có sự hạn chế trong nhận thức pháp luật. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 02 lần trở lên", quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo khi lượng hình.

Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 171, các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 01 đến 02 năm tù về tội "Cướp giật tài sản".

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, đề nghị không áp dụng đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng các Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không đề cập xem xét trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng,

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện.

[2] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa, bị hại, một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng vắng mặt. Tuy nhiên, những người này đã có lời khai trong hồ sơ vụ

án, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự quyết định vẫn tiến hành xét xử.

Về nội dung,

[3] Hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, bị cáo T khai để có tiền tiêu xài cá nhân và trả nợ, bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản, cụ thể bị cáo dùng phương tiện xe mô tô thực hiện 02 vụ cướp giật tài sản là những thùng bia tại các tiệm tạp hóa của bà Na vào ngày 25/02/2020 và bà S ngày 26/02/2020, với thủ đoạn vờ hỏi mua bia, sau khi chủ tiệm tạp hóa đem bia ra để lên xe bị cáo, bị cáo kêu chủ tiệm vào viết hóa đơn hoặc lấy thêm đồ; lợi dụng lúc chủ tiệm quay vào tiệm, tăng ga xe bỏ chạy.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo ở giai đoạn điều tra, truy tố và phù hợp với lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng; Kết luận định giá tài sản số 85/KL-ĐG và 87/KL-ĐG cùng ngày 13/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố K.

Ngoài ra, lời khai của bị cáo còn phù hợp với vật chứng bị thu giữ là 01 xe mô tô, nhãn hiệu VISION, màu sơn đen, biển số 67E1 – 200.70; 01 mũ bảo hiểm màu xanh; 01 mắt kính, tròng đen; 01 quần thun đen dài; 01 áo khoác đen, tay dài có mũ trùm đầu; 01 đĩa DVD lưu giữ đoạn Video clip trích xuất từ Camera quan sát, ghi hình ảnh T thực hiện hành vi phạm tội.

Từ các chứng cứ trên, có cơ sở xác định, sau khi tiếp cận và thấy các bị hại sơ hở trong việc bảo quản tài sản, bị cáo đã dùng tay giật lấy tài sản rồi nhanh chóng tẩu thoát.

Về giá trị tài sản bị chiếm đoạt, đối với tài sản chiếm đoạt của các bị hại theo Kết luận định giá tài sản số 85/KL-ĐG và 87/KL-ĐG cùng ngày 13/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố K, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 1.600.000 đồng.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của các bị hại là xâm phạm quyền sở hữu của người khác nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện thông qua việc tiếp cận bị hại thực hiện hành vi chiếm đoạt nhanh chóng tẩu thoát và sự thừa nhận của bị cáo tại phiên tòa. Vì vậy, hành vi bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cướp giật tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Cho nên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố bị cáo ra trước phiên tòa hôm nay và lời buộc tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

Quyền sở hữu là những quyền thiêng liêng của mỗi cá nhân được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Trong lĩnh vực hình sự, những ai có hành vi xâm phạm

quyền sở hữu của người khác, đáp ứng quy định của pháp luật sẽ bị áp dụng chế tài nghiêm khắc nhất là hình phạt.

Bị cáo đang làm thuê kiếm sống. Đáng lẽ, bị cáo phải ra sức lao động để tạo lập thu nhập hợp pháp, nuôi sống bản thân, gia đình nhưng vì hám lợi, muốn có tiền tiêu xài một cách nhanh chóng, bị cáo cướp giật tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang cho những người dân sống xung quanh nơi xảy ra sự việc. Cho nên, cần xử phạt nghiêm, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để đảm bảo mục đích răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 02 lần trở lên", quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải; Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; bị cáo thuộc thành phần lao động, không có tiền án, tiền sự, trình độ học vấn thấp, có sự hạn chế trong nhận thức pháp luật. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nên có xem xét quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo thuộc thành phần lao động, không có nghề nghiệp ổn định, xét không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không yêu cầu bị cáo bồi thường cũng như các yêu cầu khác nên không đề cập xem xét trong vụ án.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 xe mô tô, nhãn hiệu VISION, màu sơn đen, biển số 67E1 – 200.70 là phương tiện bị cáo sử dụng để phạm tội. Tuy nhiên, bị cáo và ông M đều có lời khai xác định xe này do ông M đứng tên chủ sở hữu, hằng ngày ông M sử dụng vào mục đích sinh hoạt gia đình, khi mượn xe bị cáo nói đi công việc riêng và ông M không biết bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên ông M xin nhận lại xe. Xét, yêu cầu của ông Nguyễn Thanh M là phù hợp đúng quy định pháp luật nên chấp nhận.

Đối với 01 mũ bảo hiểm màu xanh; 01 mắt kính, tròng đen; 01 quần thun đen dài; 01 áo khoác đen, tay dài có mũ trùm đầu, không còn giá trị sử dụng, xét tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 đĩa DVD lưu giữ đoạn Video clip trích xuất từ Camera quan sát, ghi hình ảnh T thực hiện hành vi phạm tội, xét tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh T phạm tội “*Cướp giật tài sản*”;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thanh T: 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo được tính kể từ ngày bắt tạm giam 17/6/2020 (*ngày mười bảy, tháng sáu, năm hai nghìn không trăm hai mươi*).

Căn cứ vào Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Giao trả ông Nguyễn Thanh M 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Vision, màu đen, biển số 67E1 200.07, số máy JF58E0802514, số khung 580XEY802469. Ốp nhựa gác chân bên trái bị bể, tay thắng phải bị cong vênh về trước (đã qua sử dụng);

- Tịch thu tiêu hủy 01 nón bảo hiểm màu xanh; 01 mắt kính có gọng kim loại màu trắng, tròng màu đen; 01 quần thun dài màu đen; 01 áo khoác dài tay màu xám, có mũ trùm đầu, trước ngực có dòng chữ EMINE, tay áo bên trái có dòng chữ NOLOVE (tất cả đã qua sử dụng).

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 21 tháng 8 năm 2020 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố K với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K).

- Tiếp tục lưu giữ hồ sơ vụ án 01 đĩa DVD lưu giữ đoạn Video clip trích xuất từ Camera quan sát, ghi hình ảnh T thực hiện hành vi phạm tội.

Căn cứ Điều 135, 136, Điều 333, Điều 337 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Thanh T phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, ông M có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND thành phố;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Nhà Tạm giữ;
- Phòng hồ sơ;
- Chi cục THADS thành phố;
- Bộ phận THA Tòa án;
- UBND cấp xã nơi BC cư trú;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kiều Nga